|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP **CỤC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**  Số: 69/BC-PBGDPL | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2023 |

**BÁO CÁO TỔNG THUẬT**

**Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân về hiệu quả xã, phường,**

**thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Kính gửi:

- Bộ trưởng Lê Thành Long;

- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh.

Tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg) giao Bộ Tư pháp nhiệm vụ “Căn cứ điều kiện thực tế và kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong phạm vi cả nước, lựa chọn địa phương để tổ chức thực hiện đánh giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” (điểm c khoản 1 Điều 6). Thực hiện nhiệm vụ này, năm 2023, Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật đã tiến hành khảo sát phục vụ đánh giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (TCPL) tại một số địa phương[[1]](#footnote-1).

**A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHẢO SÁT**

**1. Mục đích khảo sát**

Thu thập thông tin phản ánh về thực trạng thực hiện các tiêu chí TCPL và đánh giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL tại địa phương.

**2. Phương pháp khảo sát**

Việc thu thập thông tin qua trao đổi, phỏng vấn trực tiếp các đại biểu thuộc đối tượng khảo sát tại các buổi Tọa đàm và khảo sát qua phiếu điều tra lấy ý kiến của người dân trên địa bàn khảo sát, đồng thời sự so sánh, đối chiếu với hồ sơ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL năm 2022.

Phiếu khảo sát được thiết kế theo phương pháp trắc nghiệm để người được khảo sát điền (đánh dấu) vào đáp án mình cho là phù hợp.

Nội dung Phiếu khảo sát gồm 02 chỉ tiêu thông tin chung về người trả lời phiếu và 13 câu hỏi trắc nghiệm và 01 chỉ tiêu về đề xuất, kiến nghị.

**3. Địa bàn và đối tượng khảo sát**

***a) Địa bàn khảo sát***

Việc khảo sát được thực hiện tại các tỉnh Hòa Bình, Sơn La (đại diện cho khu vực miền Bắc), Quảng Nam (đại diện cho khu vực miền Trung), Trà Vinh (đại diện cho khu vực miền Nam).

***b) Đối tượng khảo sát***

Đối tượng được khảo sát là Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố, hòa giải viên và người dân. Cụ thể như sau:

- Tại tỉnh Quảng Nam, phiếu khảo sát được phát đến tuyên truyền viên pháp luật và người dân của huyện Bắc Trà My.

- Tại tỉnh Hòa Bình, phiếu khảo sát được phát đến tuyên truyền viên pháp luật của huyện Mai Châu và một số người dân tại các bản thuộc xã Nà Phòn, huyện Mai Châu.

- Tại tỉnh Trà Vinh, phiếu khảo sát được phát đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, hòa giải viên và người dân tại các ấp thuộc xã Tập Sơn, huyện Trà Cú.

- Tại tỉnh Sơn La, phiếu khảo sát được phát đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, hòa giải viên và người dân tại các bản thuộc xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu.

***c) Số phiếu và cơ cấu phiếu khảo sát***

- Tổng số phiếu phát ra: **450 phiếu.**

- Số phiếu thu về: 368 phiếu.

- Cơ cấu thành phần khảo sát cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành phần khảo sát** | **Quảng Nam** | | **Hòa Bình** | | **Trà Vinh** | | **Sơn La** | | **Tổng số** | |
| **Số phiếu** | **Tỷ lệ %** | **Số phiếu** | **Tỷ lệ %** | **Số phiếu** | **Tỷ lệ %** | **Số phiếu** | **Tỷ lệ %** | **Số phiếu** | **Tỷ lệ %** |
| **1** | ***Về giới Về giới tính:*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Nam | 37 | 59,68 | 73 | 63,48 | 69 | 85,19 | 52 | 47,27 | **231** | **62,77** |
| Nữ | 8 | 12,9 | 39 | 33,91 | 12 | 14,81 | 43 | 39,09 | **102** | **27,72** |
| Không trả lời | 17 | 27,42 | 30 | 0 | 0 | 0 | 15 | 13,64 | **35** | **9,51** |
| **2** | ***Về nghề nghiệp:*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cơ quan nhà nước | 8 | 12,9 | 4 | 3,48 | 2 | 2,11 | 2 | 1,82 | **16** | **4,35** |
| Tổ chức đoàn thể | 1 | 1,61 | 15 | 13,04 | 23 | 24,21 | 17 | 15,45 | **56** | **15,22** |
| Doanh nghiệp | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1,05 | 0 | 0 | **1** | **0,27** |
| Lao động tự do | 27 | 43,55 | 61 | 53,04 | 52 | 54,74 | 75 | 68,18 | **215** | **58,42** |
| Nội trợ | 0 | 0 | 4 | 3,48 | 0 | 0 | 4 | 3,64 | **8** | **2,17** |
| Không trả lời: | 26 | 41,94 | 31 | 26,96 | 3 | 2,61 | 12 | 10,91 | **72** | **19,57** |

*Bảng 1: Cơ cấu thành phần khảo sát*

**4. Nội dung khảo sát**

**-** Đánh giá mức độ hiểu biết của người dân về việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL.

- Đánh giá của người dân về thực trạng thực hiện các tiêu chí TCPL, tập trung vào các chỉ tiêu về tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của người dân.

- Kiến nghị của người dân về giải pháp nâng cao khả năng TCPL của người dân***.***

**B. KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

**1. Về mức độ quan tâm của người dân đối với hoạt động đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL**

Qua khảo sát cho thấy đa số người dân trả lời biết đến tiêu chí đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL (chiếm 63,04%). Trong đó, Trà Vinh là địa phương có tỷ lệ người dân được khảo sát biết đến bộ tiêu chí này cao nhất (91,1%), tiếp đến là Hòa Bình (77,1%), Sơn La (49%), Quảng Nam là địa phương có tỷ lệ người dân biết đến tiêu chí công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL thấp nhất (47,5%).

*Biểu đồ 2: Tỷ lệ người dân biết đến tiêu chí TCPL*

Đồng thời, tại Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La, khi được hỏi có quan tâm về việc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú đã đạt chuẩn TCPL hay chưa đạt chuẩn TCPL thì đa số người dân, 79,08% người dân trả lời có quan tâm, chỉ có 20,92% không quan tâm hoặc không trả lời về vấn đề này.

*Biểu đồ 3: Mức độ quan tâm của người dân đến kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL*

**2. Về tiếp cận thông tin**

Về nội dung thông tin được công khai: Khi được hỏi trong thời gian 02 năm gần đây, người dân được biết về các thông tin nào, kết quả trả lời của người dân tại các tỉnh Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La cụ thể như sau:

*Biểu đồ 4: Nội dung thông tin được công khai*

Khi so sánh kết quả kháo sát của người dân về đánh giá về mức độ công khai các thông tin liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và các thông tin về thủ tục hành chính của chính quyền cấp xã và kết quả đánh các chỉ tiêu về công khai thông tin tại hồ sơ đánh giá, công nhận TCPL của các xã được khảo sát năm 2022 cho thấy kết quả đánh giá của người dân và kết quả đánh giá của chính quyền cấp xã còn có sự chênh lệch. Cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Tỷ lệ thông tin được công khai chính xác, kịp thời, đầy đủ, đúng hình thức theo báo cáo của cấp xã[[2]](#footnote-2)** | **Tỷ lệ người dân đánh giá các thông tin được công khai chính xác, kịp thời, đầy đủ, đúng hình thức** |
| **Quảng Nam** | 100% | 97,1% |
| **Hòa Bình** | 96,66% | 91,82% |
| **Trà Vinh** | 100% | 92,21% |
| **Sơn La** | 100% | 86,05% |

*Bảng 5: So sánh kết quả đánh giá chỉ tiêu công khai thông tin*

Kết quả khảo sát người dân về nội dung và hình thức công khai thông tin nêu trên phù hợp với kết quả kiểm tra việc thực hiện tiêu chí này ở địa phương. Cụ thể theo kết quả kiểm tra của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật cho thấy: xã Trà Dương, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, Trà Vinh là các địa phương thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ công khai thông tin cũng như lập, cập nhật danh mục thông tin phải công khai thuộc trách nhiệm của UBND cấp xã. Còn tại xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình và xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, UBND cấp xã chưa thực hiện tốt việc công khai thông tin, cung cấp thông tin như: Chưa lập, công khai Danh mục thông tin phải công khai, việc thực hiện công khai các thông tin thuộc trách nhiệm phải công khai chưa đúng quy định; chưa thực hiện trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu; chưa lập Sổ cung cấp thông tin theo yêu cầu theo đúng quy định.

**3. Về phổ biến, giáo dục pháp luật**

Tại các tỉnh Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La, khi được khảo sát trong khoảng thời gian 02 năm gần đây, người dân có được chính quyền cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật không. Tỉ lệ người dân trả lời có được chính quyền cấp xã tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật rất cao, phản ánh qua biểu đồ dưới đây:

*Biểu đồ 6: Tỷ lệ người dân được chính quyền cấp xã tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật*

Kết quả khảo sát cho thấy nội dung pháp luật được phổ biến cũng rất đa dạng và phù hợp với nội dung Kế hoạch, báo cáo kết quả công tác PBGDPL năm 2022 của các đơn vị được khảo sát.

*Biểu đồ 7: Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật*

Riêng tại tỉnh Quảng Nam, theo Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL năm 2022, điểm số trung bình của các chỉ tiêu phổ biến, giáo dục pháp luật của các đơn vị cấp xã trên địa bàn huyện Bắc Trà My là 15,7/19 điểm, chủ yếu bị trừ điểm ở chỉ tiêu triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở và chỉ tiêu về bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho tuyên truyền viên pháp luật. Đồng thời, khi được đề nghị đánh giá về việc thực hiện tiêu chí tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật của chính quyền cấp xã nơi cư trú, chỉ có 27/62 người trả lời, trong đó 26/27 người đánh giá chính quyền cấp xã thực hiện tốt tiêu chí tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật. Điều này cho thấy người dân chưa thực sự quan tâm đến hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của chính quyền cấp xã.

**4. Về hòa giải ở cơ sở**

Tại 04 tỉnh được khảo sát, theo báo cáo về công tác hòa giải ở cơ sở ở tại các đơn vị được kiểm tra, tất cả các thôn, tổ dân phố đều có tổ hòa giải ở cơ sở. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ người dân được hỏi biết tại thôn, tổ dân phố nơi sinh sống có tổ hòa giải ở cơ sở tại các tỉnh Hòa Bình (trên 90%), Trà Vinh (trên 90%), Sơn La (trên 80%) khá cao. Riêng tại Quảng Nam, chỉ có 35,5% người được hỏi biết tại thôn, tổ dân phố nơi mình sinh sống có tổ hòa giải ở cơ sở (Biểu đồ 8).

*Biểu đồ 8: Tỷ lệ người dân biết đến tổ hòa giải ở cơ sở*

Kết quả khảo sát tại Hòa Bình, Trà Vinh và Sơn La cũng cho thấy trong số những người biết có tổ hòa giải ở cơ sở, tỷ lệ người lựa chọn đến tổ hòa giải để giải quyết các tranh chấp xích mích mình gặp phải tại cộng đồng dân cư chưa cao (Biểu đồ 9). Điều đó phản ánh thực trạng người dân chưa thực sự quan tâm đến công tác hòa giải ở cơ sở và chưa ưu tiên lựa chọn phương thức này để giải quyết tranh chấp khi có nhu cầu.

*Biểu đồ 9: Tỷ lệ người dân lựa chọn tổ hòa giải ở cơ sở để giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn tại cộng đồng dân cư*

Về kết quả hòa giải thành, tuy tỷ lệ vụ việc hòa giải thành trung bình của các đơn vị tại 04 địa phương khảo sát đều thấp hơn tỷ lệ hòa giải thành trung bình trên cả nước, nhưng những người dân tham gia trả lời khảo sát đã từng lựa chọn hòa giải ở cơ sở để giải quyết tranh chấp mâu thuẫn lại đánh giá tốt về kết quả các vụ việc hòa giải phản ánh qua bảng so sánh dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Tỷ lệ vụ việc hòa giải thành[[3]](#footnote-3)** | **Tỷ lệ người dân đánh giá tốt về kết quả vụ việc hòa giải** |
| **Quảng Nam** | 73,8% | 87% |
| **Hòa Bình** | 70,3% | 96% |
| **Trà Vinh** | 77,7% | 100% |
| **Sơn La** | 65% | 85,71% |

*Bảng 10: So sánh tỷ lệ vụ việc hòa giải thành và đánh giá của người dân về kết quả các vụ việc hòa giải*

**5. Về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn**

Theo báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL năm 2022, kết quả thực hiện tiêu chí dân chủ ở xã, phường, thị trấn ở các địa bàn khảo sát tại 04 tỉnh Quảng Nam, Hòa Bình, Trà Vinh và Sơn La đều tương đối cao, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt điểm tối đa. Tuy nhiên, kết quả khảo sát của người dân về những nội dung liên quan đến tiêu chí này vẫn có sự chênh lệch. Cụ thể như sau:

- Kết quả đánh giá các chỉ tiêu về tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp và Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo quy định pháp luật về thực hiện dân chủ tại hồ sơ đánh giá, công nhận đạt chuẩn TCPL của các đơn vị được khảo sát đều đạt tỷ lệ 100%. Tuy nhiên, kết quả khảo sát người dân tại các địa bàn này về các nội dung được đưa ra để Nhân dân bàn tại các cuộc họp thôn, tổ dân phố lại ghi nhận không có phương án nào đạt 100%. Đặc biệt, tại Quảng Nam và Sơn La, mức độ chênh lệch giữa kết quả đánh giá tại hồ sơ và kết quả khảo sát người dân về các nội dung dân chủ ở cơ sở khá lớn. Cụ thể được phản ánh qua biểu đồ dưới đây:

*Biểu đồ 11: Kết quả khảo sát người dân về những nội dung được Nhân dân bàn tại các cuộc họp thôn/tổ dân phố*

- Đối với chỉ tiêu “Tổ chức trao đổi, đối thoại với nhân dân” theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy, tại các địa bàn được khảo sát của cả 04 tỉnh, việc thực hiện nội dung này khá nghiêm túc, có hồ sơ tài liệu kiểm chứng rõ ràng. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả khảo sát người dân tại các tỉnh Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La. Cụ thể khi được hỏi, UBND cấp xã tại địa bàn cư trú, có tổ chức Hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân về tình hình hoạt động của UBND cấp xã và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương không, tỷ lệ người dân chọn phương án “Có tổ chức” chiếm đa số, thể hiện qua biểu đồ sau đây:

*Biểu đồ 12: Kết quả khảo sát người dân về việc tổ chức Hội nghị trao đổi,*

*đối thoại với Nhân dân của UBND cấp xã*

**5. Về việc tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo và thủ tục hành chính của UBND cấp xã**

Theo báo cáo đánh giá, công nhận TCPL năm 2022 của các tỉnh Quảng Nam, Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La, kết quả đánh giá các chỉ tiêu về tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo và thủ tục hành chính của UBND cấp xã đúng quy định pháp luật khá cao. Tuy nhiên, kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân về kết quả tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp xã về các nội dung nêu trên chưa thực sự thống nhất: 03/04 tỉnh (Quảng Nam, Trà Vinh, Sơn La) có tỷ lệ hài lòng của người dân thấp hơn so với kết quả tự đánh giá của chính quyền. Riêng tại tỉnh Hòa Bình, kết quả đánh giá hài lòng của người dân đạt 100%. Tuy nhiên, tỷ lệ người dân tham gia khảo sát đã từng đến UBND cấp xã để kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Hòa Bình lại khá thấp (chỉ có 8/115 người).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Tỷ lệ trung bình của các chỉ tiêu về tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thực hiện thủ tục hành chính đúng quy định pháp luật[[4]](#footnote-4)** | **Tỷ lệ người dân đánh giá hài lòng về việc tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thực hiện thủ tục hành chính** |
| **Quảng Nam** | 99,6% | 76% |
| **Hòa Bình** | 99,2% | 100% |
| **Trà Vinh** | 100% | 94% |
| **Sơn La** | 100% | 88% |

*Bảng 13: So sánh kết quả đánh giá tại hồ sơ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp pháp luật và kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân về tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thực hiện thủ tục hành chính của UBND cấp xã*

**C. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Đánh giá chung**

***1.1. Ưu điểm***

Qua kiểm tra hồ sơ và khảo sát sự hài lòng của người dân về hiệu quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận tại các tỉnh Quảng Nam, Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La cho thấy, cơ bản công tác chỉ đạo, điều hành tổ chức triển khai nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL đã được các địa phương quan tâm triển khai thực hiện. Các xã được kiểm tra đều đã xây dựng Kế hoạch riêng để triển khai nhiệm vụ đánh giá chuẩn TCPL. Đồng thời, UBND cấp xã đã phân công các công chức chuyên môn của xã để thực hiện đánh giá, chấm điểm, theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL (có bảng phân công riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch triển khai). Việc thực hiện việc đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận cơ bản được thực hiện theo quy trình, thời hạn theo quy định (Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La). Hồ sơ, tài liệu kiểm chứng cho một số chỉ tiêu, tiêu chí tương đối đầy đủ (Trà Vinh, Quảng Nam). Các địa phương đã bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở.

***1.2. Hạn chế***

Kết quả kiểm tra và khảo sát cho thấy việc triển khai công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL ở các tỉnh Quảng Nam, Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế. Cụ thể như sau:

***- Về nhận thức***: Công tác truyền thông về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa được chú trọng dẫn đến cán bộ, công chức và người dân chưa quan tâm đến công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và lợi ích của công tác này đối với việc bảo đảm quyền công dân, trong đó có quyền tiếp cận thông tin pháp luật.

***- Về công tác chỉ đạo, điều hành:*** Một số nơi chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc, chưa xác định việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL là nhiệm vụ thường xuyên, độc lập, vẫn còn thực hiện hình thức để xét nông thôn mới (Hòa Bình, Sơn La). Phòng Tư pháp chưa thực sự sát sao trong hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; công tác kiểm tra, tập huấn ở địa phương còn chưa kịp thời, thường xuyên để hỗ trợ cho cấp xã triển khai nhiệm vụ đúng yêu cầu và quy định; công chức chuyên môn còn đang lúng túng trong việc triển khai theo dõi, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL được phân công theo dõi hoặc chưa nắm vững về chuyên môn nghiệp vụ được giao; đã có phân công trách nhiệm nhưng còn chưa rõ, chưa cụ thể về nhiệm vụ cũng như quy trình thực hiện đánh giá, theo dõi, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL; chưa phát huy vai trò, sự tham gia của công chức chuyên môn theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL của xã trong phối hợp tổ chức triển khai nhiệm vụ (Quảng Nam, Hòa Bình, Sơn La). Thời gian đánh giá, đề nghị công nhận đạt chuẩn TCPL tại một số xã chưa thực hiện đúng quy định; chậm tham mưu, ban hành Quyết định công bố cấp xã đạt chuẩn TCPL (Quảng Nam).

***-*** ***Về chấm điểm, hồ sơ, tài liệu phục vụ đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí TCPL:*** Số liệu, thông tin giữa các báo cáo, tài liệu có liên quan phục vụ đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu chưa thống nhất, chưa đầy đủ. Việc chấm điểm một số tiêu chí, chỉ tiêu còn hình thức; không có tài liệu kiểm chứng khi Đoàn kiểm tra yêu cầu cung cấp để đối chiếu, so sánh. Có chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu theo quy định nhưng vẫn chấm điểm tối đa. Việc lập sổ, lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ công việc, nhiệm vụ chuyên môn chưa theo đúng quy định pháp luật (chưa lập Danh mục thông tin phải công khai và xây dựng quy chế cung cấp thông tin theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin; chưa có Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu hoặc có Sổ theo dõi tiếp công dân nhưng để trống nội dung...).Kết quả đánh giá hài lòng của người dân về hiệu quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL chưa thống nhất với kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL của chính quyền, đặc biệt là các tiêu chí công khai thông tin, thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo và thủ tục hành chính của UBND cấp xã…

***- Về một số chỉ tiêu, tiêu chí TCPL và một số nội dung khác có liên quan:*** Trong quá trình triển khai nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL, một số địa phương vẫn còn gặp lúng túng, khó khăn như nhận thức chưa đúng về thẩm quyền, nội dung, hình thức ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chưa nắm vững các quy định về tiếp cận thông tin; còn nhầm lẫn giữa hòa giải ở cơ sở với hòa giải tranh chấp đất đai; chưa hiểu rõ về điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL và cách chấm điểm một số chỉ tiêu TCPL như việc tổ chức lấy ý kiến về hình thức, mô hình thông tin, PBGDPL hiệu quả tại cơ sở, chỉ tiêu không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính.

***- Về năng lực đội ngũ công chức:*** Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở còn hạn chế, chưa được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn kịp thời, thường xuyên, do đó việc tham mưu, triển khai công tác chuyên môn trong các lĩnh vực gắn với các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật chưa nắm vững, vẫn còn lúng túng.

***- Kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn TCPL của các địa phương được kiểm tra, khảo sát còn rất khó khăn, hạn chế***. Cấp huyện, cấp xã hầu như chưa bố trí nguồn kinh phí riêng để triển khai mà sử dụng chung trong nguồn kinh phí chi thường xuyên cho công tác PBGDPL hoặc lồng ghép với các hoạt động chuyên môn khác.

Trên cơ sở kiểm tra, khảo sát, Đoàn kiểm tra, khảo sát của Cục PBGDPL đã lập biên bản, ban hành kết luận yêu cầu các địa phương được kiểm tra, khảo sát thực hiện rà soát, chấm điểm lại đối với các chỉ tiêu, tiêu chí, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong triển khai các tiêu chí TCPL và đề nghị thu hồi Quyết định công nhận đạt chuẩn đối với năm 2022 đối với xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình và xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

**2. Một số kiến nghị, giải pháp**

Để triển khai và nâng cao hiệu quả công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước trong tình hình mới cũng như yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, gắn với xây dựng, hoàn thiện thể chế với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, trong thời gian tới Bộ Tư pháp và địa phương cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, tăng cường truyền thông, phổ biến về công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về ý nghĩa, vai trò, mục đích của công tác này. Chính quyền các cấp, đặc biệt cấp cơ sở cần tiếp tục nhận thức đúng, nhận thức đầy đủ về việc thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật nhằm xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân theo Hiến pháp và pháp luật. Việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thực chất là đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm quyền, lợi ích cho người dân trên địa bàn. Việc đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP là nhiệm vụ thường xuyên, độc lập và phải bảo đảm thực chất, tránh hình thức. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ nếu có khó khăn, vướng mắc thì xã cần kịp thời đề nghị cấp trên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

*Thứ hai,* tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai có hiệu quả Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP; tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành để hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong triển khai đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của các địa phương, đặc biệt là cấp xã cần được thực hiện nghiêm túc, sát sao hơn nữa, ban hành kịp thời kế hoạch thực hiện hằng năm trong đó phân công rõ trách nhiệm của các công chức chuyên môn có liên quan trong phụ trách, theo dõi, chấm điểm từng tiêu chí, chỉ tiêu gắn với nhiệm vụ chuyên môn đang thực hiện; quan tâm bố trí kinh phí, nguồn lực để triển khai các tiêu chí, chỉ tiêu TCPL.

*Thứ ba*, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tiêu chí tiếp cận pháp luật trong xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao cho đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là công chức cấp huyện và cấp xã. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

*Thứ tư*, tăng cường tổ chức kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với tổ chức khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với địa phương thực hiện chưa nghiêm túc, đầy đủ, đúng trách nhiệm được giao; kịp thời phát hiện, động viên, khen thưởng, hướng dẫn nhân rộng đối với các mô hình hay, cách làm hiệu quả hiệu quả… để công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong thời gian tới bảo đảm thực chất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

*Thứ năm*, tiến hành sơ kết việc thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg nhằm đánh giá kết quả đạt được, tổng hợp những hạn chế, vướng mắc về thể chế và quá trình tổ chức thi hành để đề xuất các giải pháp phù hợp trong thời gian tới.

Trên đây là Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn TCPL tại các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Trà Vinh và Quảng Nam./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Cục trưởng (để báo cáo);  - Lưu: VT, TCPL. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **(Đã ký)**  **Ngô Quỳnh Hoa** |

1. Nhiệm vụ khảo sát được đưa vào Kế hoạch triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và nhiệm vụ được giao trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2023 (ban hành tại Quyết định số 425/QĐ-BTP ngày 21/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp); Kế hoạch số 11/KH-PBGDPL ngày 16/5/2023 thực hiện kiểm tra, khảo sát về đánh giá, công nhận cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tỷ lệ của chỉ tiêu 1 (nội dung số 2,3,4) thuộc Tiêu chí 2. Trong đó: Tỉnh Quảng Nam: kết quả trung bình của các đơn vị cấp xã của huyện Bắc Trà My; tỉnh Hòa Bình: kết quả trung bình của các đơn vị cấp xã của huyện Mai Châu, tỉnh Trà Vinh: kết quả của xã Tập Sơn, huyện Trà Cú; tỉnh Sơn La: kết quả của xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu [↑](#footnote-ref-2)
3. Tỷ lệ của chỉ tiêu 1 (nội dung số 2) thuộc Tiêu chí 3. Trong đó: Tỉnh Quảng Nam: kết quả trung bình của các đơn vị cấp xã của huyện Bắc Trà My; tỉnh Hòa Bình: kết quả trung bình của các đơn vị cấp xã của huyện Mai Châu, tỉnh Trà Vinh: kết quả của xã Tập Sơn, huyện Trà Cú; tỉnh Sơn La: kết quả của xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tỷ lệ trung bình của chỉ tiêu 1 (nội dung số 2 và số 3), chỉ tiêu 2 thuộc Tiêu chí 5. Trong đó: Tỉnh Quảng Nam: kết quả trung bình của các đơn vị cấp xã của huyện Bắc Trà My; tỉnh Hòa Bình: kết quả trung bình của các đơn vị cấp xã của huyện Mai Châu, tỉnh Trà Vinh: kết quả của xã Tập Sơn, huyện Trà Cú; tỉnh Sơn La: kết quả của xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu. [↑](#footnote-ref-4)